

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định trình tự thực hiện cưỡng chế thi hành
quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 2092/TTr-STNMT ngày 02 tháng 11 năm 2017).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định trình tự thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2017.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành.

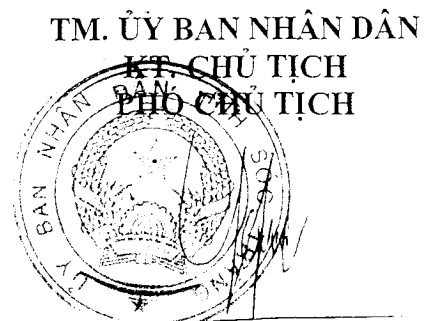
b) Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành ban hành kèm theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường. Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị

trần, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: (14b)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Email: phongkiemtravanban2012@gmail.com
- Lưu: VT, NC, KT



Lê Văn Hiếu



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Trình tự thực hiện cưỡng chế thi hành
quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Ban hành kèm theo Quyết định số **40** /2017/QĐ-UBND
ngày **30/11/2017** của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chi tiết về nguyên tắc, trình tự thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan; các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành cưỡng chế theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc cưỡng chế và điều kiện thực hiện cưỡng chế

Thực hiện theo quy định tại Khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 4. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế và thời gian cưỡng chế

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế.

2. Thời gian thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đến ngày bàn giao đất cho người sử dụng đất hợp pháp.

Đối với các xã đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện cưỡng chế được tăng thêm 10 ngày.

3. Thời gian thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp quy định tại Khoản 2 Điều này không tính các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN CƯỠNG CHẾ

Điều 5. Nộp đơn yêu cầu cưỡng chế

1. Người yêu cầu thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật phải nộp đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và kèm theo hồ sơ có liên quan tại Ban Tiếp công dân cấp huyện.

2. Hồ sơ hợp lệ gồm: Đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và biên bản triển khai giải quyết tranh chấp đất đai.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Ban Tiếp công dân phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định.

4. Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ thì Ban Tiếp công dân cấp huyện tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu cưỡng chế biết về việc thụ lý giải quyết, trường hợp không thụ lý thì phải nêu rõ lý do; đồng thời, quyết định giao trách nhiệm tham mưu thực hiện cưỡng chế (gọi chung là cơ quan tham mưu).

Thông báo thụ lý và quyết định giao trách nhiệm tham mưu phải được gửi đến UBND xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) nơi có đất tranh chấp để phối hợp thực hiện.

Điều 6. Tham mưu và ban hành quyết định cưỡng chế

1. Trong thời gian 04 ngày (trường hợp thuộc xã đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì được tăng thêm 04 ngày), kể từ ngày nhận được quyết định giao trách nhiệm tham mưu thực hiện cưỡng chế, cơ quan tham mưu phối hợp với UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp mời các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có) để vận động, thuyết phục các bên chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Trường hợp bên có nghĩa vụ theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, người có nghĩa vụ liên quan (nếu có) không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì cơ quan tham mưu báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế. Báo cáo gồm có các nội dung cơ bản: Việc triển khai thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; quá trình vận động, thuyết phục và kết quả; yêu cầu của các bên tranh chấp; nhận xét và kiến nghị ban hành quyết định cưỡng chế.

2. Trong thời gian 02 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan tham mưu, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế.

3. Quyết định cưỡng chế (vận dụng tương tự theo mẫu Quyết định số 10 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính) phải có các nội dung cơ bản: Họ tên và địa chỉ của người bị cưỡng chế; biện pháp thực hiện cưỡng chế; thời gian, địa điểm thực hiện

cưỡng chế; cơ quan tham mưu thực hiện cưỡng chế; cơ quan có trách nhiệm tham gia, phối hợp.

Điều 7. Gửi, triển khai và niêm yết quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế phải gửi quyết định cưỡng chế cho cơ quan tham mưu thực hiện cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND cấp xã nơi có đất cưỡng chế để giao quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất cưỡng chế.

Quyết định cưỡng chế được niêm yết công khai trong thời gian thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Trong thời gian 03 ngày (trường hợp thuộc xã đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì được tăng thêm 03 ngày), kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, UBND cấp xã chủ trì phối hợp với cơ quan tham mưu thực hiện cưỡng chế triển khai và giao quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất cưỡng chế. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản và phải có 02 người chứng kiến ký tên.

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi triển khai, giao quyết định cưỡng chế (không đến làm việc theo thư mời) thì UBND cấp xã phải lập biên bản về việc không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt và phải được thành phần tham dự, 02 người chứng kiến ký tên vào biên bản thì được coi là quyết định đã được giao.

Điều 8. Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế

1. Trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày phối hợp với UBND cấp xã triển khai, giao quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, cơ quan tham mưu báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

2. Trong thời gian 02 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, Chủ tịch UBND cấp huyện Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế (vận dụng tương tự theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra) gồm có các nội dung cơ bản sau:

a) Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là Trưởng ban; thủ trưởng hoặc cấp phó cơ quan tham mưu thực hiện cưỡng chế là Phó Trưởng ban; đại diện cơ quan Thanh tra, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Xây dựng cấp huyện; đại diện lãnh đạo UBND cấp xã nơi có đất và các thành viên khác do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định là thành viên.

b) Nhiệm vụ cưỡng chế.

c) Cơ quan có trách nhiệm tham gia phối hợp.

Điều 9. Xây dựng kế hoạch cưỡng chế

1. Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế để xây dựng kế hoạch cưỡng chế và dự toán kinh phí thực hiện cưỡng chế trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế (vận dụng tương tự theo mẫu số 05 - TTr ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-TTCT ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra) phải có các nội dung cơ bản: Người bị cưỡng chế, nội dung, thời gian, địa điểm cưỡng chế, phương pháp cưỡng chế; lực lượng tham gia, hỗ trợ; tổ chức và kinh phí thực hiện cưỡng chế.

3. Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với cơ quan báo chí, Đài Truyền thanh, Đài Phát Thanh – Truyền hình Sóc Trăng (nếu cần thiết) để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 10. Vận động, thuyết phục, đối thoại và thông báo cưỡng chế

1. Trong thời gian 05 ngày (trường hợp thuộc xã đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì được tăng thêm 03 ngày), kể từ ngày kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế; người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu cần thiết); tùy một số trường hợp cụ thể, Ban thực hiện cưỡng chế mời đại diện tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tham gia.

2. Trường hợp người bị cưỡng chế chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận việc chấp hành và phải được thành phần tham dự, người bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ.

Việc thực hiện các nội dung trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai được thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế, nhưng tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

3. Trường hợp người bị cưỡng chế không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai sau khi đã được vận động, thuyết phục, đối thoại hoặc không đến làm việc theo thư mời thì Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành lập biên bản và thông báo thời gian cưỡng chế bằng văn bản; thời gian cưỡng chế sau 03 ngày, kể từ ngày thông báo. Thông báo cưỡng chế phải có các nội dung: Họ tên và địa chỉ của người bị cưỡng chế; thời gian, địa điểm cưỡng chế; yêu cầu người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế.

Thông báo cưỡng chế được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất cưỡng chế và phải lập biên bản niêm yết công khai thông báo.

Điều 11. Thực hiện cưỡng chế

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành cưỡng chế trên thực địa trong thời gian tối đa không quá 02 ngày:

a) Trước khi cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành vận động, thuyết phục, đối thoại người bị cưỡng chế (đối với trường hợp người cưỡng chế không đến làm việc theo thư mời quy định tại Khoản 3 Điều 10 Quy định này); nếu người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập thủ tục theo Khoản 2 Điều 10 Quy định này.

b) Trường hợp người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế, nhưng phải có đại diện của UBND cấp xã và 02 người chứng kiến.

c) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản (vận dụng tương tự theo mẫu Biên bản số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính) và giao cho người bị cưỡng chế một bản. Biên bản ghi rõ: thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; người bị cưỡng chế; đại diện UBND cấp xã và người chứng kiến; địa điểm cưỡng chế, hiện trạng đất khi cưỡng chế, kết quả thực hiện cưỡng chế và phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản.

2. Ban thực hiện cưỡng chế buộc người bị cưỡng chế, người có liên quan phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế. Nếu họ không tự nguyện thực hiện thì Ban thực hiện cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế.

3. Trường hợp người bị cưỡng chế, người có liên quan từ chối nhận tài sản, thì Ban thực hiện cưỡng chế xử lý như sau:

a) Người bị cưỡng chế, người có liên quan từ chối nhận tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản (vận dụng tương tự theo mẫu Biên bản D39-THADS Phụ lục số VI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự và có chỉnh sửa lại cho phù hợp với thực tế) ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu) và giao cho UBND cấp xã nơi có đất cưỡng chế bảo quản tài sản theo quy định pháp luật; biên bản phải ký tên và đóng dấu của đại diện bên bàn giao, bên nhận bảo quản tài sản.

b) Trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế phải niêm yết thông báo tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế thông báo thời gian, địa điểm để chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhận tài sản; việc niêm yết phải được lập thành biên bản.

4. Ngay sau khi thực hiện xong cưỡng chế trên thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn

giao đất cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban thực hiện cưỡng chế, người nhận bàn giao đất và xác nhận của UBND cấp xã.

5. Trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày kết thúc cưỡng chế trên thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế họp đánh giá kết quả thực hiện cưỡng chế và báo cáo kết quả cưỡng chế đến người ra quyết định cưỡng chế. Báo cáo cưỡng chế gồm có các nội dung: Quá trình thực hiện cưỡng chế, kết quả cưỡng chế; nêu thuận lợi, khó khăn; bài học kinh nghiệm và kiến nghị (nếu có).

Điều 12. Lưu trữ hồ sơ cưỡng chế

1. Hồ sơ cưỡng chế lưu trữ gồm có:

- a) Đơn yêu cầu thực hiện cưỡng chế;
- b) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật;
- c) Quyết định cưỡng chế; Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế và thông báo cưỡng chế;
- d) Biên bản niêm yết quyết định cưỡng chế; Biên bản bàn giao quyết định cưỡng chế; Biên bản vận động, thuyết phục, đối thoại; Biên bản cưỡng chế; Biên bản bàn giao tài sản và các Biên bản khác;
- đ) Thông báo nhận tài sản; báo cáo kết quả cưỡng chế;
- e) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản khác.

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu tại cơ quan tham mưu thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 13. Giải quyết khiếu nại và xử lý trường hợp tái chiếm

1. Người bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện quyết định cưỡng chế, việc thực hiện cưỡng chế theo quy định pháp luật.

2. Nếu người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan tái chiếm thì Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời báo cáo với Chủ tịch UBND cấp huyện lập biên bản và xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Chương III

CHI PHÍ CƯỖNG CHẾ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Chi phí cưỡng chế

1. Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Trường hợp cưỡng chế trên đất có tài sản của người bị cưỡng chế, người có liên quan mà không tự nguyện chuyển tài sản ra khỏi đất cưỡng chế thì mọi chi phí bảo quản tài sản sau khi cưỡng chế do chủ sở hữu chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, theo dõi tình hình thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn huyện.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thực hiện cưỡng chế khi được giao.

4. Cơ quan Công an có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế.

5. Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm lập kế hoạch cưỡng chế và dự toán kinh phí phục vụ cưỡng chế trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt; thông báo cưỡng chế, yêu cầu cơ quan Công an cử lực lượng hỗ trợ; thực hiện cưỡng chế theo kế hoạch đã được phê duyệt; bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp, báo cáo kết quả thực hiện cưỡng chế.

Ban thực hiện cưỡng chế gửi văn bản yêu cầu đến cơ quan Công an cùng cấp 05 ngày làm việc, trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng.

6. UBND cấp xã nơi có đất cưỡng chế có trách nhiệm động viên, thuyết phục người bị cưỡng chế; giao quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế; tham gia thực hiện cưỡng chế; di chuyển, bảo quản tài sản bị cưỡng chế, đối với trường hợp không nhận tài sản do Ban thực hiện cưỡng chế bàn giao.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế khi có yêu cầu, tạo điều kiện để Ban thực hiện cưỡng chế hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

